

# Vấn đề giới luật và bàn luận về ý nghĩa tồn tại của tăng ni trong Phật giáo Nhật Bản thời cận đại<sup>1</sup>

Phạm Thị Thu Giang<sup>(\*)</sup>

**Tóm tắt:** Giai đoạn cuối thời Edo (Mạc phủ Tokugawa) đầu thời Meiji (Minh Trị), Nhật Bản đã chứng kiến những biến động lớn về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa... Trong bối cảnh đó, giới Phật giáo đã buộc phải đón nhận những chính sách mới của Chính phủ như Thần Phật phân ly, Tế chính nhất trí... Đặc biệt, một trong những quy định gây chấn động lớn đối với giới Phật giáo Nhật Bản là Bối cáo số 133 được ban hành vào năm Meiji thứ 5 (1872) và Bối cáo số 26 ban hành vào năm Meiji thứ 6 (1873), trong đó có quy định rõ các tăng ni có thể tự do sinh hoạt như người trần tục. Bối cáo này đã khiến giới tăng ni Phật giáo Nhật Bản hoang mang, gây chia rẽ trong quan điểm về giới luật và ý nghĩa tồn tại của tăng ni trong thời đại mới. Thông qua việc khảo sát, phân tích lý luận của giới tăng ni Phật giáo Nhật Bản đương thời, bài viết làm rõ hiện trạng và quan điểm mới về giới luật, ý nghĩa tồn tại của tăng ni như một động lực cải cách giới Phật giáo.

**Từ khóa:** Phật giáo, Cận đại, Tăng ni, Giới luật, Nhật Bản

**Abstract:** In the late Edo-early Meiji period, Japan witnessed major political, economic, social, and cultural changes. In that context, Buddhists were forced to accept new government policies including the separation of Shinto and Buddhism, unification of religious practices. In particular, the most shocking regulations for Buddhists were Proclamation No. 133 issued in the 5th year of Meiji (1872) and Proclamation No. 26 issued in the 6th year of Meiji (1873), which clearly stated that monks and nuns could freely live like lay people. These regulations have caused confusion among Japanese Buddhist monks and nuns, as well as division in their views on the precepts and the meaning of the existence of monks and nuns in the new era. Through the analysis of the theories of contemporary Buddhist monks and nuns, the article clarifies the situation and new views on the precepts and the meaning of the existence of monks and nuns as a driving force for reforming Buddhism during that time.

**Keywords:** Buddhism, Early Modern Period, Monks and Nuns, Precepts, Japan

Ngày nhận bài: 10/3/2025; Ngày duyệt đăng: 25/5/2025

<sup>1</sup> Bài viết là kết quả nghiên cứu của Đề tài “Công cuộc cận đại hóa của Nhật Bản và nhận thức về tư tưởng về bản phận của tăng ni” do PGS.TS. Phạm Thị Thu Giang chủ nhiệm, Quỹ Sumotomo tài trợ, thực hiện giai đoạn 2021-2024.

(\*) PGS.TS., Trường Đại học Việt Nhật, Đại học Quốc gia Hà Nội; Email: ptt.giang@vju.ac.vn

## 1. Mở đầu

Cuối thời kỳ Mạc phủ, với sự lớn mạnh của Phái đảo Mạc trong đó hai hùng phiên Satsuma và Chōshū đóng vai trò chủ lực, Tướng quân đời thứ 15 của dòng họ Tokugawa đã buộc phải thực hiện nghi lễ Đại chính phụng hoàn, trao trả lại thực quyền cho Thiên hoàng năm 1867. Theo đó, những nhân vật chủ chốt của Phái đảo Mạc đã ban hành *Đại hiệu lệnh Vương chính phục cổ* và tuyên bố thành lập chính phủ mới năm 1868.

Sau khi hình thành, chính phủ mới đã bắt tay vào việc cải cách mạnh mẽ chính trị, kinh tế, xã hội, tư tưởng, tôn giáo. Theo đó, vào đầu thời Meiji, giới Phật giáo Nhật Bản đã phải hứng chịu những biến động chưa từng có trong lịch sử. Mặc dù là một tôn giáo ngoại lai, nhưng khác với các nước Đông Á khác, ngay từ khi du nhập vào Nhật Bản, Phật giáo đã được coi trọng không chỉ với tư cách là một tôn giáo đơn thuần mà còn là một quốc giáo, là học thuật đào tạo người tài cho quốc gia. Tuy nhiên, từ cuối thời Mạc phủ Edo, với phong trào bài Phật (Phé Phật hủy Thích) và những quy định mới của Chính phủ Meiji như *Thần Phật phân ly*, *Chính giáo phân ly*, *Bố cáo số 133*, *Bố cáo số 26...* giới Phật giáo đã vấp phải những thử thách lớn mang tính thời đại, liên quan trực tiếp đến sự tồn vong của tôn giáo này ở Nhật Bản. Vậy giới Phật giáo Nhật Bản đương thời đã ứng phó với những thử thách đó như thế nào? Thông qua việc khảo sát và phân tích các luồng ý kiến về giới luật và ý nghĩa tồn tại, bản phận của tăng ni trong và ngoài giới Phật giáo Nhật Bản, bài viết làm rõ hiện trạng của giới Phật giáo đương thời và cách thức chuyển mình hay có thể gọi là công cuộc cận đại hóa mang đặc trưng riêng của tăng ni thời kỳ đó.

## 2. Những biến đổi trong chính sách đối với Phật giáo của Chính phủ Meiji

### 2.1. Sự biến đổi trong chính sách tôn giáo và sự suy giảm vị trí của Phật giáo

Sau khi thành lập, Chính phủ Meiji đã dùng Thần đạo làm trụ cột tinh thần quốc gia và coi đây là một phương cách để tạo mối liên kết giữa những người dân trong thể chế mới. Ngay từ năm Meiji thứ nhất (1868), bên cạnh Thái chính quan, tức cơ quan quyền lực cao nhất của quốc gia, Chính phủ đã xây dựng Thần kỳ quan<sup>1</sup>.

Để xây dựng vị thế cho Thần đạo, tháng 3 năm 1868 Chính phủ Meiji đã ban hành *Chính sách Thần Phật phân ly*, loại bỏ yếu tố Phật giáo ra khỏi đền thờ Thần đạo. Điều này đã trở thành nguyên cơ để phong trào Phá Phật hủy Thích lan rộng ra hầu hết các địa phương trong cả nước.

Năm Meiji thứ 4 (1871), Chính phủ tuyên bố sử dụng nghi lễ Thần đạo với tư cách là nghi lễ quốc gia. Hơn nữa, với *Chính sách Chính giáo phân ly*, Chính phủ đã thể hiện rõ quan điểm tách các tôn giáo trong đó có Phật giáo ra khỏi sự bảo trợ của Chính phủ. Khi đó, Thần đạo được coi là hệ tư tưởng đạo đức, tinh thần mà không phải là tôn giáo, nên được bảo hộ riêng bởi cơ quan có tên gọi là Thần kỳ tỉnh (sau này đổi là Giáo bộ tỉnh).

Chủ trương trên của Chính phủ đã gây không ít sự bất mãn trong giới Phật giáo vốn chiếm ưu thế trong xã hội Nhật Bản trong suốt các thời kỳ lịch sử trước đó. Các tông phái và thậm chí cá nhân một số tăng ni cũng đã bày tỏ sự phẫn nộ thông qua các văn bản gửi trực tiếp cho Chính phủ hoặc các phương tiện thông tin đại chúng thời bấy giờ. Theo họ, Phật giáo với tư cách là tôn giáo quan trọng trong đời sống tâm linh

<sup>1</sup> cơ quan chuyên quản lý toàn bộ giới Thần đạo và chuyên trách tổ chức các nghi lễ tế tự Thần đạo mang tính quốc gia.

của người Nhật Bản thì cần được Chính phủ bảo hộ (Phạm Thị Thu Giang, 2021: 72).

## 2.2. *Bố cáo số 133, Bố cáo số 26 và vấn đề giới luật Phật giáo*

Trong bối cảnh nêu trên, ngày 25 tháng 4 năm Meiji thứ 5 (1872), Chính phủ Meiji ban hành *Bố cáo số 133*, trong đó ghi rõ: *Từ nay các vị tăng lữ được tự ý ăn thịt, lấy vợ và để tóc. Ngoài thời gian tiến hành nghi lễ thì có thể mặc trang phục giống người dân thường.* Ngày 22 tháng 01 năm Meiji thứ 6, Chính phủ tiếp tục ban hành *Bố cáo số 26*, trong đó cho phép các vị ni cũng được sinh hoạt tự do như người trần tục: *Từ nay các vị ni cũng được tự ý để tóc, ăn thịt, kết hôn và hoàn tục* (Phòng Tôn giáo, Cục Văn hóa, Bộ Văn hóa, 1968: 802). Hai bố cáo này đã tạo ra cú sốc lớn cho giới Phật giáo đương thời, một phần là vì trước đó, vào ngày 18 tháng 9 năm Meiji thứ 2 (1869), Chính phủ đã ra lệnh: *Cấm tăng lữ ăn mặc thiếu nghiêm chỉnh và để tóc trước bàn thờ Phật. Là tăng lữ mà xin hoàn tục vô lối là điều trái với đạo lý. Tuy nhiên, nếu tăng lữ đó có nghề riêng và muốn hoàn tục để cống hiến sức mình cho quốc gia thì có xem xét tùy theo năng lực của người đó* (Thái chính quan, 1869).

Có thể thấy, chỉ sau 3 năm Chính phủ Meiji đã thay đổi chủ trương về giới luật của tăng ni. Theo đó, có sự thay đổi trong quan điểm của Chính phủ trong việc quản lý giới luật Phật giáo. Nếu như thời điểm trước năm Meiji thứ 5, Chính phủ cho rằng quản lý giới luật Phật giáo là một trong những công việc của chính quyền, thì với *Bố cáo số 133* việc trì giới hay phá giới đã thuộc về vấn đề nội bộ của giới Phật giáo: “Tất cả những vấn đề trong nội bộ các tông phái Phật giáo là do người đứng đầu tôn giáo đó quyết định. Chính phủ không can thiệp vào công việc nội bộ của giới Phật giáo” (Kitane, 1997). Điều này thống nhất với chính sách Chính giáo phân ly, tách các tôn giáo ngoại trừ Thần đạo ra khỏi hoạt

động chính trị. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, Chính phủ Meiji đã có ý đồ “Xóa bỏ đẳng cấp tăng lữ, chỉ coi việc tu hành theo một tôn giáo nào đó là một chức phận” (Morioka, 1986) khi ban hành *Bố cáo số 133*. Nhưng có lẽ điều mà chính phủ đương thời quan tâm hơn chính là công cuộc duy tân, phát triển kinh tế khi cho rằng “nếu tăng lữ đó có nghề riêng và muốn hoàn tục để cống hiến sức mình cho quốc gia thì có xem xét tùy theo năng lực của người đó” (*Bố cáo số 133*) hơn là chính sách tôn giáo.

Trên thực tế, việc Chính phủ Meiji ban hành *Bố cáo số 133* không phải là một thế lực bài Phật, mà là từ ý kiến cải cách Phật giáo của Ōtori Sessō (1814-1904), một nhà hoạt động tôn giáo đương thời. Ông vốn là Thiên sư của phái Tào Động tông, từng kinh qua thời gian trụ trì của nhiều thiền tự lớn, nhưng sau đó hoàn tục và trở thành Thần chức, tức người tu hành trong Thần đạo. Tuy vậy, ông vẫn đóng góp ý kiến cải cách tôn giáo nói chung.

Theo những ghi chép đương thời, Sessō là người có mối thâm giao với các yếu nhân của Chính phủ Meiji, đặc biệt là với Etō Shinpei (1834-1874), Bộ trưởng Bộ Tư pháp lúc bấy giờ. Theo đó, về vấn đề cho phép tăng ni Phật giáo được sinh hoạt như người trần tục, sự trao đổi giữa giữa Ōtori Sessō và Etō Shinpei được ghi chép lại như sau: Ông [tức Ōtori Sessō - tác giả bài viết chú thích] mặc dù là một vị tăng, nhưng bất bình với sự hủ bại của giới tăng ni và ca thán rằng không thể cứu vãn được tình trạng đó... Trong một bữa tiệc tổ chức vào buổi tối, ông đã nói chuyện với ông Etō Shinpei rằng nếu cứ cấm tăng lữ ăn mặn, lấy vợ thì ngược lại sẽ khiến họ truy lạc hơn. Vì vậy, ông Etō Shinpei đã bàn với ông Saga, người đứng đầu Giáo bộ tỉnh và ban hành bố cáo đó [tức *Bố cáo số 133* - tác giả bài viết chú thích] ra toàn quốc (Hansuke, 1968: 633).

Như vậy, có thể thấy một phần nguyên do ra đời của *Bố cáo số 133* là để cải thiện tình hình phá giới của tăng ni lúc bấy giờ. Mặt khác, theo Matono Hansuke (1968: 631) thì Etō Shinpei đã đồng ý bỏ lệnh cấm tăng ni lập gia đình và ăn mặn là từ góc độ “Tự do nhân quyền”.

Tuy nhiên, nhà Quốc học Ochiai Naoaki (2000: 32) cho rằng: “Việc có đôi lứa là điều không thể phủ nhận của sinh linh vì đó chính là đạo lý của tự nhiên, là quy luật tạo ra sự phồn thịnh của nhân loại. Việc cấm tăng lữ lấy vợ thì trên là trái với quy luật của tạo hóa và dưới là gây ra sự tuyệt diệt của tử tôn. Về mặt tình nghĩa của con người đó là điều không thể chấp nhận được”. Lý luận này đã xuất hiện ở các học giả theo phái Quốc học từ thời kỳ Edo (1600-1868) trước đó, từ quan điểm này Naoaki đã kiến nghị với Chính phủ Meiji nên cho phép tăng ni được lập gia đình, ăn mặn, cho con cháu quyền thừa kế và ra ngoài làm công ăn lương như người trần tục để cống hiến cho sự phát triển của quốc gia.

Có thể thấy, bối cảnh đằng sau việc Chính phủ Meiji ban hành *Bố cáo số 133* và *Bố cáo số 26* là những lập trường, quan điểm khác nhau. Tuy nhiên, dù là tư tưởng cải cách Phật giáo hay bài Phật thì cũng đều có một điểm chung là đưa ra ý tưởng về hình tượng tăng ni nhập thế trong thời đại mới.

### 3. Bàn luận liên quan đến giới luật của tăng ni Nhật Bản thời Meiji

#### 3.1. Chủ trương trì giới của tăng ni Nhật Bản thời Meiji

##### a) Vấn đề sắc dục trong giới luật Phật giáo

Trước những biến động của thời đại và đặc biệt là sự ra đời của những quy định mới liên quan đến giới luật Phật giáo như đã nêu trên, nhiều tăng ni đã khẳng định chủ trương trì giới của mình. Ngay sau

khí *Bố cáo số 133* được ban hành, Shaku Unshō (2000: 946), một nhà sư của Chân ngôn tông đã khẳng định: “Tăng ni suốt đời không nên dính dáng đến sắc dục. Dù triều đình có cho phép cũng không được phá giới mà phải giữ gìn giới luật”. Nghĩa là, tăng ni không nên lệ thuộc vào bên ngoài mà phải có ý chí trì giới trong nội tâm. Theo Unshō (2000: 946), “Giới luật không phải là thứ tự được thực hiện mà nằm ở người thực hiện”.

Với *Bố cáo số 133* của Chính phủ, Fukuda Gyōkai (1931: 13) cho rằng: “Tôi thấy yên tâm vì biết rằng Chính phủ ban hành *Bố cáo* này không phải với ý đồ bài Phật. Tuy nhiên, các tông phái cần lập Hội đồng bảo<sup>1</sup> đề trì giới, giữ gìn sự thanh tịnh”. Nghĩa là, cả Unshō và Gyōkai đều kiên định cho rằng, giữ gìn giới luật là vấn đề tự thân của tăng ni, nên không được để ý chí lung lay bởi những yếu tố bên ngoài giới Phật giáo, kể cả quy định của Chính phủ. Theo Gyōkai (1931: 8), “Nếu dục vọng của con người tràn lấp thì phiền khổ cũng gia tăng, tai họa, chiến tranh sẽ bùng phát, con người sẽ chịu nhiều tổn hại và sự tồn vong của quốc gia cũng sẽ bị đe dọa”.

Có thể thấy, về cơ bản, các nhà sư theo phái hộ giới của Nhật Bản thời Meiji đưa ra lý luận của mình là dựa trên quan điểm của giáo lý Phật giáo khi cho rằng, dục vọng là căn nguyên của mọi phiền khổ, tạo ra nghiệp chướng cho con người. Vì vậy, mục đích cuối cùng của giới luật Phật giáo là cấm dục để cắt đi mọi căn nguyên của sự phiền khổ đó.

##### b) Trì giới và sự tồn vong của Phật giáo

Đối với các tăng ni theo phái hộ pháp, duy trì sự khác biệt với người trần tục

<sup>1</sup> Từ “đồng bào” mà Gyōkai sử dụng là từ do Hōnen (1133-1212), vị khai tổ của Tịnh độ tông đã sử dụng để chỉ cộng đồng những người có chung tín ngưỡng tịnh độ.

chính là việc chứng tỏ sự tồn tại của họ. Gyōkai (1931: 13) cho rằng, “Sự khác biệt giữa tăng ni và người trần tục chỉ là ở việc có để tóc, ăn mặn hay lập gia đình hay không. Nếu tăng ni được tự ý để tóc, ăn mặn hay lập gia đình thì sẽ gây phiền toái vì không phân biệt được giữa tăng và tục”. Theo ông, sở dĩ tăng ni có được đặc quyền tu hành trong tự viện, tránh được nắng mưa và không phải lo chuyện cơm áo là vì đảm nhiệm sứ mệnh tu hành, cứu độ cho chúng sinh. Nếu tăng ni không giữ gìn giới luật mà tự ý ăn mặn, lập gia đình... như người trần tục khác thì đó là hành vi của kẻ “đạo chích” (Gyōkai, 1931: 10). Với quan điểm kiên định về việc trì giới, Gyōkai đã phê phán mạnh mẽ hành vi phá giới của tăng ni và kêu gọi các tông phái đưa ra quy định riêng, độc lập với quy định của Chính phủ để giữ gìn sự thanh tịnh của tăng đoàn.

Ngoài việc trì giới để chứng tỏ ý nghĩa tồn tại của tăng ni, Gyōkai (1931: 10) còn cho rằng: “Giới luật được ví như vận mệnh của Phật giáo. Vị nào lập gia đình và ăn mặn nghĩa là vị đó phá giới và đánh mất sự thiêng liêng của Tam bảo. Hành vi phá giới của tăng ni sẽ làm mất Tam bảo, hủy hoại Phật pháp”. Điều này đã thể hiện được vấn đề căn cốt trong tư tưởng hộ giới, trì pháp của Gyōkai khi khẳng định việc tăng ni không giữ gìn giới luật là đồng nghĩa với việc hủy hoại Phật giáo, nghĩa là chính hành cử của tăng ni là yếu tố quyết định sự tồn tại của các tự viện và sự tồn vong của Phật giáo.

Như vậy, có thể thấy sự nhấn mạnh vai trò chủ thể của tăng ni và tầm quan trọng của việc trì giới đối với sự giải thoát của cá nhân tăng ni, sự tồn tại của mỗi tự viện và sự tồn vong của Phật giáo chính là căn cứ của tư tưởng hộ pháp trước những tác động mạnh mẽ của chủ trương Chính giáo phân ly, tách Phật giáo ra khỏi sự bảo hộ của Chính phủ.

### 3.2. *Quan điểm mới về giới luật Phật giáo của tăng ni Nhật Bản thời Meiji*

a) *Lý luận về giới luật Phật giáo trước sự biến đổi của thời đại*

*Giới luật Phật giáo cũng giống như pháp luật của thế giới trần tục, mà pháp luật của thế giới trần tục thì cần phải sửa đổi theo sự biến thiên của thời thế* (Okada, 1891: 11). Quan điểm này cho thấy đã có xu hướng nhìn nhận lại về giới luật Phật giáo trước những biến đổi của xã hội.

Trên thực tế, trước hiện tượng “Dương thủ âm phạm”, tức là bề ngoài thì có vẻ giữ gìn giới luật, nhưng đằng sau lại phạm giới khá phổ biến trong tăng ni Phật giáo đương thời, cũng có ý kiến cho rằng nên công nhận hiện thực và đưa ra các chính sách cải cách Phật giáo hơn là phủ nhận hiện thực đó và duy trì giới luật Phật giáo đã không còn hợp thời. Shimaji Mokurai (1838-1911), nhà sư Tịnh độ chân tông và cũng là nhà cải cách tư tưởng Phật giáo đương thời cho rằng: “Giới luật là luật pháp. Luật pháp phải cải cách theo thời thế. Theo tôi, các cao tăng thời nay nên học theo các tăng ni Tịnh độ chân tông. Nếu lập gia đình thì tự viện sẽ được chỉnh trang, nhà cửa có người thu vén, có thể sinh được hậu thế để duy trì huyết thống, về già không phải lo lắng vì đã có người chăm sóc” (Okada, 1891: 11).

b) *Quan điểm phủ nhận ý nghĩa của giới luật Phật giáo từ góc độ luân lý đạo đức thế tục*

Trước những phê phán cho rằng, tăng ni xuất gia là bỏ nhà, bỏ cha mẹ, không có vợ con, không hoàn thành trách nhiệm với tư cách là một con người của gia đình, nhiều nhà hoạt động Phật giáo tiếp thu tư tưởng phương Tây đã đưa ra những lý luận mới, trong đó phủ nhận ý nghĩa của giới luật Phật giáo từ góc độ luân lý đạo đức thế tục. Trên thực tế, lý luận phê phán giới luật Phật giáo từ góc độ luân lý đạo đức như

học giả Quốc học Ochiai Naoaki nêu trên đã xuất hiện từ thời Edo, nhưng cùng với làn sóng du nhập những tri thức mới tiếp nhận từ phương Tây, đặc biệt là tư tưởng giải phóng con người, lý luận theo chiều hướng này ngày càng xuất hiện nhiều trên ngôn luận.

Cơ sở của lý luận phủ nhận ý nghĩa của giới Phật giáo xuất phát từ việc khẳng định: “Tăng ni là con người (...) Vì vậy, tăng ni có luân lý và cần phải làm gương về đạo đức cho chúng sinh. Nghĩa là, cần phải là hình mẫu cho ngũ thường trong quan hệ quân thần, phụ tử, huynh đệ, phu thê, bằng hữu. Đó chính là điều cần thiết mà nhân loại cần hướng tới” (Okada, 1891: 11). Nghĩa là, ngoài việc tăng ni cần tu hành Phật giáo thì họ còn là một con người nên cũng cần tuân theo những luân lý, đạo đức của con người. Nếu không họ sẽ không thể hiểu và cứu độ cho chúng sinh.

Đặc biệt, Inoue Enryō (1858-1919) thuộc phái Tịnh độ tông đã đề xướng lý luận về mối quan hệ giữa gen di truyền của tăng ni và sự tồn vong của giới Phật giáo. Enryō (1890: 5) cho rằng: “Tôi có quan sát các tông phái trong việc đào tạo đệ tử thì đều không thấy chú ý đến gen di truyền. Tuy nhiên, các tông phái đều phải đào tạo đệ tử nên cần chú ý đến tính di truyền bởi di truyền là yếu tố rất quan trọng trong giáo dục... Những người trở thành tăng ni hiện nay hầu hết là con cháu của tiện dân, thứ hạng thấp trong xã hội, nên khó có thể sinh ra những nhân vật xuất chúng. Nếu di truyền từ tổ tiên của những người này ở hạng thấp thì khó có thể đào tạo thành những vị tăng uyên thâm”. Đây là lý luận khá mới được Enryō tiếp thu từ nguồn sách vở phương Tây và phát triển trong lý luận liên quan đến giới luật Phật giáo. Từ đây đã hình thành tư tưởng “Hoạt Phật giáo”, tức là Phật giáo nhập thể với những tăng ni tích cực tham gia hoạt động xã hội.

#### 4. Kết luận

Như vậy, có thể thấy sang thời Meiji với *Chính sách Chính giáo phân ly* hay *Bố cáo số 133, Bố cáo số 26...*, Chính phủ đã thể hiện phương châm mới đối với Phật giáo, đặc biệt là đối với giới luật Phật giáo. Phật giáo từ chỗ được chính quyền coi trọng thì đến thời Meiji Thần đạo đã được tôn vinh lên thành quốc giáo, Phật giáo không còn uy quyền như trong các thời kỳ trước. Điều này đã gây ra những biến động lớn, có thể ảnh hưởng đến sự tồn vong của giới Phật giáo đương thời.

Trước sự thay đổi về chính sách đối với tôn giáo, đặc biệt là với Phật giáo nêu trên của Chính phủ Meiji, trong giới tăng ni đã xuất hiện những ý kiến theo chiều hướng khác nhau. Phái trì giới cho rằng, việc giữ gìn giới luật sẽ giúp tăng ni duy trì được sự thanh tịnh và khác biệt của họ so với người trần tục. Điều này sẽ đảm bảo cho tăng ni có được vị trí xã hội và chế độ đãi ngộ đặc biệt. Hơn nữa, những tăng ni theo phái trì giới còn khẳng định tầm quan trọng của giới luật đối với sự tồn vong của giới Phật giáo và cho rằng, việc phá giới sẽ ảnh hưởng đến sự tồn vong của giới Phật giáo. Tuy nhiên, những nhà sư ảnh hưởng bởi tư tưởng phương Tây thì cho rằng giới luật Phật giáo đi ngược với luân lý, đạo đức của con người. Với tư cách là một con người, tăng ni vẫn cần phải tuân thủ tam cương, ngũ thường mà không phải xuất gia, từ bỏ gia đình, họ hàng... Hơn nữa, để có thể duy trì và phát triển, giới Phật giáo cần có những tăng ni tài giỏi, nên việc cho phép họ lập gia đình, sinh con sẽ giúp duy trì huyết thống và đảm bảo chất lượng gen di truyền cho nguồn nhân lực Phật giáo thời đại mới. Trong bối cảnh cuộc duy tân với phong trào khai hóa văn minh trở thành trào lưu của toàn xã hội thì lý luận của các nhà cải cách Phật giáo như Shimaji Mokurai, Inoue Enryō... đã nhận được sự ủng hộ không ít

từ các tầng đoàn. Từ việc giải phóng tầng ni khỏi giới luật Phật giáo đã khiến Phật giáo Nhật Bản trở thành Phật giáo động (Hoạt Phật giáo), khác với quan niệm về Phật giáo tĩnh ở các quốc gia Đông Á khác □

### Tài liệu tham khảo

1. Enry, Inoue (1890), “Những điều mong muốn đối với các tông phái cấm tăng lữ lấy vợ”, Tạp chí *Người Nhật*, số 41, tr. 5 (井上圓了「妻帯禁制宗諸師に望む」(『日本人』、41号、1890年、5頁)。
2. Enryō, Inoue, *Nhật Bản chính giáo luận*, (井上円了、『日本政教論』)。
3. Phạm Thị Thu Giang (2021), “Phật giáo cận đại Nhật Bản và vấn đề tự do tín ngưỡng”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á*, số 4 (142) 4-2021, tr. 69-79.
4. Gyōkai, Fukuda (1931), “Kiến nghị với Giáo bộ tỉnh”, trong: *Toàn tập văn học Nhật Bản hiện đại*, Quyển 52, Văn học tôn giáo, Nxb. Kaizōsha (福田行誠「教部省へ建言」『現代日本文学全集 第52篇 宗教文学集』、改造社、1931年、13頁)。
5. Hansuke, Tekiba (1968), *Etō Nampaku*, Nxb. Hara Shobō, tr. 633 (的野半介『江藤南白』上卷(原書房、1968年、633頁)。
6. Kitane, Tomi, Yūga, Suzuki (Biên soạn, 1997), “Giáo bộ tỉnh nhật chí”, trong: *Tổng tập báo chí sơ kỳ Meiji, Quyển bổ sung 1*, Năm Heisei thứ 9. 『教部省日誌』(北根富、鈴木雄雅監修『明治初期新聞全集』、補卷1、平成9年)。
7. Naoaki, Ochiai (2000), “Những thiên ý về tự viện Phật giáo”, trong: Uchida Shūdō (2000), *Tuyển tập văn bản kiến nghị thời Meiji*, Quyển 1, Nxb. Chikuma Shobō (落合直亮「寺院之儀ニ付愚存之趣奉申上候覚」『内田修道編『明治建白書集成』第一卷、筑摩書房、2000年、32頁)。
8. Okada, Hakumeiko (1891), “Lý luận về việc tăng lữ lấy vợ” (Tạp chí *Meikyō Shinshi*, số 2843, ngày 8 tháng 2 năm Meiji 24, tr. 11) (岡田白鳴子「僧侶妻帯論」『明教新誌』、2843号、明治24年2月8日、11頁)。
9. Phòng Tôn giáo, Cục Văn hóa, Bộ Văn hóa (1968), *Tuyển tập pháp lệnh liên quan đến tôn giáo thời Meiji*, Nxb. Pháp luật 1, tr. 802 (文化局宗務課『明治以後宗教関係法令類纂』(第一法規出版株式会社、一九六八年、八〇二頁)。
10. Sessō, Ōtori, “Pháp giáo kiến nghị”, trong: *Sơn cao thủy trưởng đồ ký* (鴻雪爪「法教建議」、『山高水長図記』)。
11. Shigeo, Hattori (1938), “Truyện về Ōtori Sessō”, trong: *Di cảo Kohara Kantetsu*, hiện đang được lưu giữ tại Đại học Komazawa (服部莊夫「鴻雪爪伝」、『小原寛鐵心遺稿鈔録』、1938年、駒澤大学図書館所蔵)。
12. Thái chính quan (1869), “Thái chính loại điền”, trong: *Quốc lập công văn thư quán* (Số mục lục tra cứu: 本館 2 A-009・00・太00135100) 太政類典、国立公文書館所蔵 (請求番号 本館 2 A-009・00・太00135100)
13. Unshō, Shaku (2000), “Bản về tăng luật”, trong: Uchida Shūdō (2000), *Tuyển tập văn bản kiến nghị thời Meiji*, Quyển 2, Nxb. Chikuma Shobō, tr. 946 (釈雲照「僧律之議」、『内田修道編『明治建白書集成』第二卷、筑摩書房、2000年、946頁)。
14. Morioka Harumi (1986), “Về sự hình thành chế độ đẳng cấp nhất nguyên - Việc xóa bỏ đẳng cấp tăng ni trong công cuộc Minh Trị duy tân”, trong: *Kỷ yếu Văn hóa thường dân Nhật Bản*, số 12, Khoa Khoa học xã hội nhân văn, Trường cao học, Đại học Seijō, tr. 68 (森岡清美「一元的身分制の成立一明治維新时期における僧尼身分の解体について一」『日本常民文化紀要』第一二号、成城大学大学院文学研究科、一九八六年、68頁)。